

Bản án số: 166/2019/HNGĐ - ST
Ngày 30 - 9 - 2019
V/v Tranh chấp Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Thanh Khiết**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Văn Mầm**

Ông **Bùi Hữu Khánh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hồ Chí Thêm** - Thư ký Tòa án

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 389/2019/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp Ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 395/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Tô Mỹ N** – sinh năm 1990 (Có mặt)

Cư trú tại: ấp PH, xã PT, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh **Trần Văn M** – sinh năm 1989 (Có mặt)

Cư trú tại: ấp CC, xã TT, huyện CN, Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 8 năm 2019, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, chị Tô Mỹ N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn M kết hôn vào ngày 09 tháng 6 năm 2017, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Mặc dù gia đình hai bên đã hàn gắn nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Hiện tại chị và anh M đã sống ly thân với nhau. Nay chị xét thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn M.

Về con chung: Chị xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có 01

người con tên Trần Minh D, sinh ngày 21 tháng 5 năm 2018, hiện con đang sống với anh M, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nhã xác định chị và anh M không có tài sản chung, vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng. Nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Văn M đồng ý toàn bộ yêu cầu của chị Nhã về hôn nhân, tài sản và nợ chung. Tuy nhiên anh yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị Nhã phải cấp dưỡng nuôi con, nếu Tòa án giao con cho chị Nhã nuôi thì anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa chị Tô Mỹ N và anh Trần Văn M là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc Ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh Trần Văn M có địa chỉ tại ấp CC, xã TT, huyện CN, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nhận định của Tòa án về nội dung tranh chấp của vụ án:

Về hôn nhân chị Tô Mỹ N và anh Trần Văn M kết hôn vào năm 2017, không có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật HNGĐ năm 2014 thì chị Tô Mỹ N có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của chị Nhã đã được Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau tiến hành hòa giải tại Tòa án theo quy định tại Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tại phiên hòa giải anh Trần Văn M thống nhất và đồng ý toàn bộ yêu cầu của chị Tô Mỹ N đối với anh. Nhưng anh có yêu cầu được nuôi con chung là cháu Trần Minh D. Hội đồng xét xử xét thấy do anh M và chị Nhã không có đăng ký kết hôn nên Tòa án nhân dân huyện Cái Nước căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị Tô Mỹ N và anh Trần Văn M không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vì vậy mối quan hệ hôn nhân giữa chị Nhã và anh M không có giá trị pháp lý. Tòa án nhân dân huyện Cái Nước căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận chị Tô Mỹ N và anh Trần Văn M là vợ chồng.

Về con chung: Chị Nhã xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 người con tên Trần Minh D, sinh ngày 21 tháng 5 năm 2018, hiện con đang sống với anh M, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. anh M cũng yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị Nhã phải cấp dưỡng nuôi con, nếu Tòa án giao con cho chị Nhã nuôi thì anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con. Như vậy trong trường hợp này, cháu Trần Minh D sinh ngày 21 tháng 5 năm 2018 thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 81 luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Tô Mỹ N về việc được nuôi con chung. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con Hội đồng xét xử xét thấy anh Trần Văn M không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử buộc anh M phải cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Duy mỗi tháng 800.000 đồng cho đến khi cháu Duy tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án là ngày 30 tháng 9 năm 2019.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nhã xác định chị và anh M không có tài sản chung, vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng. Nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết tại vụ án này.

Nếu sau này chị Nhã và anh M có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì chị Nhã và anh M đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Tô Mỹ N phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con anh Trần Văn M phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các điều 9, 14, 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Tuyên bố chị Tô Mỹ N và anh Trần Văn M không phải là vợ chồng.

[2] Về con chung: Buộc anh Trần Văn M giao cháu Trần Minh D sinh ngày 21 tháng 5 năm 2018 cho Chị Tô Mỹ N tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Trần Văn M phải cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Trần Minh D sinh ngày 21 tháng 5 năm 2018 mỗi tháng 800.000 đồng cho đến khi cháu Duy tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án là ngày 30 tháng 9 năm 2019.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con không ai có quyền ngăn cản.

[3] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Tô Mỹ N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004705 ngày 20 tháng 8 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Chị Tô Mỹ N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Trần Văn M phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (Chưa nộp). Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thanh Khiết

